Tiết: 32,33

Ngày soạn: 22/11/2024

# BÀI 14. ÔN TẬP CHƯƠNG 3

Thời gian thực hiện: 2 tiết (90 phút)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực hóa học***

***1.1.1.* *Năng lực nhận thức hóa học***

(1) HS thấy được sự đa dạng của vật chất qua sự hình thành liên kết cộng hóa trị; Hiểu được tầm quan trọng của hóa học trong việc giải thích, chinh phục thế giới tự nhiên.

***1.1.2. Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học:***

(2) Hóa học giúp con người khám phá, hiểu biết vè những bí ẩn của thiên nhiên.

***1.1.3. Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học:***

(3) Giải thích được cách hình thành các liên kết hóa học của các hợp chất cộng hóa trị.

**2. Năng lực chung**

(4) Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động, tìm hiểu nhằm thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong ôn tập chương.

(5) Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hệ thống hóa các dội dung kiến thức chủa chương.

(6) Giải quyết các vấn đề sang tạo: Đề xuất được sơ đồ tư duy hợp lí và sang tạo.

**3. Phẩm chất**

(7) Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân

(8) Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

(9) Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT.

**2. Đối với HS**: SGK, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Hoạt động này giúp học sinh hứng thú với bài học hơn.

**b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi giải ô chữ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho những câu hỏi để giải ô chữ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu luật chơi: GV chiếu ô chữ hóa học: Có 5 từ khóa hàng dọc và 4 từ hóa hàng ngang. Mỗi từ khóa là đáp án của 1 câu hỏi. Các học sinh trong lớp giơ tay để được quyền chọn và trả lời câu hỏi. Trả lời chính xác từ khóa sẽ được 1 phần quà. Nếu trả lời sai, cơ hội sẽ giành cho các bạn học sinh khác.

Các câu hỏi trong trò chơi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngang** | **Dọc** |
| 1. Nguyên tử mất electron | 1. Liên kết tạo nên sức căng bề mặt của nước |
| 1. Công thức hóa học là H2O | 1. Liên kết hóa học hình thành bởi các cặp electron dùng chung |
| 1. Nhờ đâu các nguyên tử tạo nên phân tử | 1. Một loại tương tác liên phân tử |
| 1. Số proton không bao giờ bằng số electron |
| 1. Sự xen phủ của chúng tạo nên sự liên kết hóa học | 1. Mất hoặc nhận loại hạt này, nguyên tử trở thành ion. |

- Ô chữ hóa học :

A picture containing text, crossword puzzle

Description automatically generated

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS quan sát và chú ý lắng yêu cầu và đưa ra đáp án.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Các HS xung phong phát biểu trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận xét:**

**Đáp án:**

1. Cation 2. Water 3. Liên kết hóa học

4. Orbital 5. Hydrogen 6. Cộng hóa trị

1. Van der Waals
2. Ion
3. Electron

**B.** **ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 3.**

**Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức**

**a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa được kiến thức về cách tạo các liên kết hóa học; bản chất các liên kết hóa học và các liên kết, lực liên kết phân tử.

**b) Nội dung:** HS làm việc nhóm cá nhân hoàn thiện sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương 3 vào vở.

**c) Sản phẩm:**  Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về liên kết hóa học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoàn thành **sơ đồ hệ thống hóa kiến thức trong sgk trang 68** vào vở:  Description: https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/11_247.png?itok=gA8yOpg-  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức.  - HS làm việc cá nhân trinh bày sơ đồ tư duy vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu hoặc lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV đưa ra đáp án chính xác.  - GV nhận xét thái độ làm việc. | **I. Hệ thống hóa kiến thức**  (1) một hay nhiều cặp electron dùng chung.  (2) không phân cực  (3) phân cực  (4) cho nhận  (5) không bị hút lệch về phía nguyên tử nào  (6) Cl2, Br2, …  (7) lệch về phía nguyên tử có độ âm điện lớn hơn.  (8) H2O, CO, NH3, …  (9) là do một nguyên tử đóng góp.  (10) SO2, HNO3,…  (11) ion mang điện tích trái dấu.  (12) NaCl, NaF, CaCl2, …  (13) **Các ion âm và dương sắp xếp tại các nút của mạng tinh thể theo trật tự luân phiên, liên kết bằng lực hút tĩnh điện của chúng.**  (14) phân tử (hay nguyên tử).  (15) tăng |

**Hoạt động 2: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** HS giải được một số bài tập phát triển năng lực chương 3.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm trả lời các bài tập trong sgk trang 69.

**c) Sản phẩm:** Đáp án cho các bài tập về liên kết hóa học sgk trang 69.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời tại chỗ **câu 1, câu 2 sgk trang 69**  - GV yêu cầu 3 HS lên bảng, mỗi bạn viết 1 phân tử trong **câu 3 sgk trang 69**. Sau đó yêu cầu 1 HS khác nhận xét phân tử nào phân cực mạnh nhất.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 trả lời **câu 4, 5, 6 sgk trang 69**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức.  - HS thảo luận nhóm suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm HS giơ tay phát biểu hoặc lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét kết quả thảo luận nhóm, thái độ làm việc.  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Đáp án B  **Câu 2:** Đáp án D  **Câu 3:**  Diagram, schematic  Description automatically generated  => Phân tử H2O có liên kết O – H phân cực mạnh nhất.  **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phân tử | Hiệu độ âm điện | Loại liên kết | | CH4 | 2,55 - 2,2 <0,4 | Cộng hóa trị không phân cực | | CaCl2 | 3,16 - 1,0 >1,7 | Ion | | HBr | 2,96 – 2,2 > 0,4 | Cộng hóa trị phân cực | | NH3 | 3,04 – 2,2 > 0,4 | Cộng hóa trị phân cực |   **Câu 5:**  a, Độ phân cực trong dãy oxide giảm dần theo chiều từ trái qua phải: Na2O, MgO, Al2O3, SiO2, P2O5, SO3 và Cl2O7.  do hiệu độ âm điện giảm dần:  b, Liên kết ion: Na2O, MgO, Al2O3.  Liên kết cộng hóa trị phân cực: SiO2. P2O5, SO3.  Liên kết cộng hóa trị không phân cực: Cl2O7.  **Câu 6:**  a, Chất có thể tạo liên kết hydrogen là CH3OH và NH3. Vì trong phân tử chứa nguyên tử có độ âm điện lớn ( O và N) có cặp electron chưa liên kết và nguyên tử H linh động (có một phần điện tích dương (δ+) đủ lớn để hút cặp electron chưa liên kết của các nguyên tử O, N)  b, Sơ đồ biểu diễn liên kết hydrogen:  Diagram  Description automatically generated |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành bài tập trong sbt.

- Chuẩn bị bài “Bài 15: Phản ứng oxi hóa khử”